

Bản án số: 523/2026/DS-PT

Ngày: 17-6-2026

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2026/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026, về việc: *“Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1100/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Minh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã H (trước đây là xã L, huyện L), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Minh H: Bà Đặng Thị Bích P, sinh năm 1993 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P (trước đây là khóm P, thị trấn C, huyện C), tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/6/2026).

2. Bị đơn: Ngô Thị Thanh H1, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã H (trước đây là xã L, huyện L), tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trần Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã H (trước đây là xã L, huyện L), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Bà Đặng Thị Bích P, sinh năm 1993 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P (trước đây là khóm P, thị trấn C, huyện C), tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/6/2026).

3.2. Ngô Thanh H2, sinh năm 1977 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã H (trước đây là xã L, huyện L), tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường T, phường H (trước đây là phường L, quận H), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Duy P1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 (Theo Giấy uỷ quyền số: 306/UQ-VCB-PC ngày 01/4/2024).

Ông Phan Duy P1 uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Trung K, chức vụ: Phó Trưởng Phòng G – Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ liên hệ: Số B, đường H, phường S (trước đây là Phường A, thành phố S), tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy uỷ quyền số: 70/UQ-VCB-ĐTH ngày 26/7/2024).

3.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hà L, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh V, chức vụ: Phó trưởng Phòng Thăm tra và Xác minh đơn, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ liên hệ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy uỷ quyền số 8273/GUQ-SNN&MT ngày 11/6/2026).

4. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị Thanh H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Minh H trình bày:

Vào ngày 02/9/2018, ông và bà Ngô Thị Thanh H1 (bà H1 có mối quan hệ bà con với vợ ông tên Trần Thị T) có hùn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) đất của ông Đặng Văn B và bà Trần Thị Đ tổng diện tích đất 7.325m², tại

thửa 108, tờ bản đồ số 79, diện tích 3.193m² đất lúa, do bà Trần Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và thửa 111, tờ bản đồ số 79, diện tích 4.132m² đất lúa, do ông Đặng Văn B đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông B xác định chỉ đứng tên giùm bà Đ thửa 111 nên khi bà Đ đồng ý chuyển nhượng thửa 111 và thửa 108 cho ông và bà H1 thì ông B cũng đồng ý thực hiện thủ tục sang tên thửa 111 cho ông và bà H1. Khi đó, bà Đ đồng ý chuyển nhượng cho bà H1 diện tích 2.600m² đất lúa, có vị trí thuộc một phần thửa 108 và một phần thửa 111 với giá 220.000.000 đồng. Còn phần diện tích còn lại của thửa 111 và thửa 108 là 4.725m² đất lúa thì bà Đ chuyển nhượng cho ông với giá 400.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ và ông B đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông và bà H1 tại Ủy ban nhân dân xã L.

Bà Đ đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và bà Đ, ông B đã giao đất cho ông và bà H1 sử dụng. Ông và bà H1 đã thực hiện việc phân chia đất sử dụng trên thực tế mỗi người một phần riêng theo diện tích mà mỗi người đã nhận chuyển nhượng và có đắp bờ đê ở giữa, cụ thể ông sử dụng diện tích 4.725m², bà H1 sử dụng diện tích 2.600m². Hiện tại ông và vợ ông là bà Trần Thị T đang trực tiếp sử dụng diện tích 4.725m² và anh của bà H1 là ông Ngô Thanh H2 đang sử dụng diện tích 2.600m².

Năm 2018, ông và bà H1 có ký hợp đồng thế chấp thửa 111, tờ bản đồ số 79, diện tích 4.132m² đất lúa tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 – Phòng giao dịch S để đảm bảo khoản vay 250.000.000 đồng do ông đứng tên hợp đồng vay. Sau khi được giải ngân thì ông nhận 150.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông đưa cho bà H1 vay vào ngày 09/10/2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2023 bà H1 cũng thừa nhận có nhận của ông 100.000.000 đồng. Khi đó hai bên thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng, mục đích bà H1 vay tiền của ông là để trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho bà Đ, thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng khi nào ông cần thu hồi lại vốn vay thì sẽ báo trước cho bà H1 01 tháng để bà H1 thu xếp tiền trả lại cho ông. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H1 có đóng lãi cho ông đến tháng 3/2022 thì ngưng không đóng lãi cho đến nay. Đến tháng 9/2022 ông và bà H1 xảy ra mâu thuẫn nên ông có yêu cầu bà H1 trả lại tiền vốn và lãi cho ông nhưng bà H1 không trả.

Ông Ngô Minh H yêu cầu bà Ngô Thị Thanh H1 trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/9/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 42 tháng = 34.860.000 đồng. Tổng cộng 134.860.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Ngô Minh H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Ngô Thị Thanh H1 thực hiện thủ tục sang tên trả lại cho ông QSD đất có diện tích đo đạc thực tế là 4.683,9m² (trong đó bao gồm diện tích 2.602,5m² thuộc thửa 111 và diện tích 2.081,4m² thuộc thửa 108).

Bị đơn bà Ngô Thị Thanh H1 trình bày:

Đối với việc ông Ngô Minh H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với QSD đất có diện tích đo đạc thực tế 4.683,9m² thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Năm 2018, bà và ông H có ký hợp đồng thế chấp thửa 111, tờ bản đồ số 79, diện tích 4.132m² đất lúa tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 – Phòng giao dịch S để đảm bảo khoản vay 350.000.000 đồng. Dư nợ gốc hiện tại 105.000.000 đồng, còn ông H vay riêng là 250.000.000 đồng, sau khi được giải ngân thì ông H có đưa cho bà 100.000.000 đồng của ông H để trả tiền nhận chuyển nhượng đất thửa 111 và thửa 108, nhưng sau đó bà đi làm và đã nhiều lần chuyển tiền về cho ông H trả nợ, hiện tại bà không còn nợ ông H số tiền nào. Việc bà trả tiền cho ông H không có làm giấy tờ và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Đến năm 2022 bà và ông H xảy ra mâu thuẫn nên bà không còn trả tiền cho ông H nữa.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của ông H trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/9/2025 là 34.860.000 đồng, tổng cộng 134.860.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP N trình bày:

- *Yêu cầu đối với bà Ngô Thị Thanh H1:* Vào ngày 05/02/2021, Ngân hàng TMCP N (V1) Chi nhánh Đ1 ký kết Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 130/2021/NHNT.ĐT/SĐ với bà Ngô Thị Thanh H1, như sau: Số tiền cho vay: 350.000.000 đồng. Dư nợ gốc hiện tại: 105.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bỏ sung vốn nuôi bò. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm. Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trả lãi vay: 01 tháng/kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Trả nợ gốc: Vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

Để bảo đảm nợ vay bà Ngô Thị Thanh H1 đã thế chấp tài sản sau: Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 783574, CP 783575, sổ vào sổ cấp GCN: CS 09713 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 02/11/2018, cụ thể: Thửa 108, tờ bản đồ số 79, diện tích 3.193m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 752/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ngày 25/12/2018 ký giữa Ngân hàng và bà Ngô Thị Thanh H1, ông Ngô Minh H, bà Trần Thị T.

Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, tạm tính đến hết ngày 25/7/2024, số tiền còn nợ của bà Ngô Thị Thanh H1 theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 130/2021/NHNT.ĐT/SĐ ngày 05/02/2021 tại V1 Chi nhánh Đ1 là

177.406.322 đồng (trong đó nợ gốc 105.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn 43.946.164 đồng, lãi quá hạn 28.460.158 đồng, không có dư nợ thẻ tín dụng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn bản yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu bà H1, ông H và bà T thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp.

Nay, Ngân hàng yêu cầu:

+ Buộc bà Ngô Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 24/7/2024 là 177.406.322 đồng, trong đó, nợ gốc 105.000.000 đồng, nợ lãi 72.406.322 đồng.

+ Buộc bà Ngô Thị Thanh H1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 130/2021/NHNT.ĐT/SĐ ngày 05/02/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án tuyên bản án/ký quyết định cho đến ngày thực tế bà Ngô Thị Thanh H1 trả hết nợ gốc cho VCB.

+ Công nhận Hợp đồng thế chấp QSD đất số 752/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ngày 25/12/2018 ký kết giữa bà Ngô Thị Thanh H1, ông Ngô Minh H và bà Trần Thị T với V1 Chi nhánh Đ1.

- *Yêu cầu đối với ông Ngô Minh H:* Vào ngày 13/4/2021, Ngân hàng V1 Chi nhánh Đ1 đã ký kết Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 327/2021/NHNT.ĐT/SĐ với ông Ngô Minh H như sau: Số tiền cho vay: 250.000.000 đồng. Dư nợ gốc hiện tại: 100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn nuôi bò. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm. Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trả lãi vay: 01 tháng/kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Trả nợ gốc: Vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

Để bảo đảm nợ vay ông Ngô Minh H đã thế chấp tài sản sau: Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 352478, CP 352479, sổ vào sổ cấp GCN: CS 09669 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 02/10/2018, cụ thể: Thửa 111, tờ bản đồ số 79, diện tích 4.132m², mục đích đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 565/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ngày 09/10/2018 ký giữa ông Ngô Minh H, bà Trần Thị T và bà Ngô Thị Thanh H1 với VCB Chi nhánh Đ1.

Ông H bắt đầu phát sinh nợ quá hạn tại VCB Chi nhánh Đ1 kể từ ngày 15/3/2022, tạm tính đến hết ngày 24/7/2024, dư nợ của ông Ngô Minh H là 136.431.243 đồng, (trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 22.684.932 đồng, nợ lãi quá hạn 13.746.311 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn bản yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu ông H, bà H1 và bà T thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho VCB, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với VCB, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VCB gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của VCB.

Nay, Ngân hàng yêu cầu:

+ Buộc ông Ngô Minh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vốn, lãi tạm tính đến hết ngày 24/7/2024 là 136.431.243 đồng, trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi 36.431.243 đồng.

+ Buộc ông Ngô Minh H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 327/2021/NHNT.ĐT/SĐ ngày 13/4/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án tuyên bản án/ký quyết định cho đến ngày thực tế ông Ngô Minh H trả hết nợ gốc cho VCB.

+ Công nhận Hợp đồng thế chấp QSD đất số 565/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ký ngày 09/10/2018 ký kết giữa ông Ngô Minh H, bà Ngô Thị Thanh H1 và bà Trần Thị T với VCB Chi nhánh Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh H2 và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ trình bày: Đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của ông Ngô Minh H yêu cầu bà Ngô Thị Thanh H1 thực hiện thủ tục sang tên cho ông Ngô Minh H quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 4.683,9m² (trong đó bao gồm diện tích 2.602,5m², thuộc thửa 111 và diện tích 2.081,4m², thuộc thửa 108).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Minh H buộc bà Ngô Thị Thanh H1 trả lại cho ông Ngô Minh H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/9/2025 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tổng cộng là 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 42 tháng = 34.860.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 134.860.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1.

Buộc ông Ngô Minh H trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 24/7/2024 là 136.431.243 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi 36.431.243 đồng) và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 25/7/2024 đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông Ngô Minh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của ông H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 565/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ký ngày 09 tháng 10 năm 2018 ký kết giữa ông Ngô Minh H, bà Ngô Thị Thanh H1 và bà Trần Thị T với VCB Chi nhánh Đ1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Ngô Thị Thanh H1 trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 25/7/2024 là 177.406.322 đồng (trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 43.946.164 đồng) và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 26/7/2024 đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp, bà Ngô Thị Thanh H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của bà H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 752/2018/VCB-ĐT/PGDSĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 ký kết giữa bà Ngô Thị Thanh H1, ông Ngô Minh H và bà Trần Thị T với Ngân hàng V1 Chi nhánh Đ1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

+ Bà Ngô Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 134.860.000 đồng là 6.743.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

+ Bà Ngô Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 177.406.322 đồng là 8.870.316 đồng và 300.000 đồng.

Tổng cộng là 15.913.322 đồng (Mười lăm triệu chín trăm mười nghìn ba trăm hai mươi hai đồng).

+ Ông Ngô Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 136.431.243 đồng là 6.821.562 đồng và 300.000 đồng. Tổng cộng là 7.121.562 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007391, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp) và

3.293.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013918, ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp). Ông Ngô Minh H phải nộp thêm 3.528.562 đồng.

+ Ngân hàng N – Chi nhánh Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 số tiền 3.711.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013922, ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp) và số tiền 4.735.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013923, ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

5. Về chi phí xem xét thẩm định:

Ông Ngô Minh H tự nguyện chịu 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định (ông H đã tạm ứng xong).

Bà Ngô Thị Thanh H1 tự nguyện chịu 800.000 đồng (T2 trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định (bà H1 đã tạm ứng xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Bà Ngô Thị Thanh H1 không thống nhất một phần bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Minh H buộc bà trả vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Ngô Thị Thanh H1 trình bày: Khoảng cuối năm 2018 bà và ông H có vay 250.000.000 đồng nhưng bà và ông H đã thanh toán toàn bộ số tiền đó cho Ngân hàng. Sau khi thanh toán xong ông H có vay lại 100.000.000 đồng là sử dụng mục đích cá nhân của ông H và thời điểm đó không có mặt bà, bà không có nhận tiền 100.000.000 đồng đó của ông H, sự việc chỉ do một phía ông H trình bày, không có người thứ ba làm chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc bà trả vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi. Đồng thời, cung cấp Giấy biên nhận ngày 09/11/2020, Giấy rút tiền ngày 09/6/2020, Ủy nhiệm chi ngày 09/6/2020, Giấy nhận nợ số 02 ngày 09/6/2020.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Thanh H1 thực hiện đúng và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án

đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Thanh H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 927/PB-VKS-DS ngày 25/6/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc bị đơn bà Ngô Thị Thanh H1 nộp đơn kháng cáo vào ngày 27/9/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị Bích P, ông Ngô Thanh H2 ông Huỳnh Trung K, đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh H1, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh H yêu cầu bà trả số tiền vốn và lãi là 134.860.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận ngày 02/9/2018 có hùn vốn nhận chuyển nhượng QSD đất với tổng diện tích 7.325m², tại thửa 108, tờ bản đồ số 79, diện tích 3.193m² đất chuyên trồng lúa nước, do bà Trần Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và thửa 111, tờ bản đồ số 79, diện tích 4.132m² đất chuyên trồng lúa nước, do ông Đặng Văn B đồng đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, ông Ngô Minh H và bà Ngô Thị Thanh H1 đang đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa 108 và thửa 111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 02/10/2018 và ngày 02/11/2018.

- Ngày 09/10/2018, ông Ngô Minh H và Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 – Phòng G ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 898/2018/HM/VCB-ĐT/SĐ với hạn mức cho vay 250.000.000 đồng.

Ông Ngô Minh H cho rằng sau khi được giải ngân thì ông nhận 150.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông đưa cho bà H1 vay vào ngày 09/10/2018. Khi đó hai bên thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng, mục đích bà H1 vay tiền là để trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho bà Đ, thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng khi nào ông cần thu hồi lại vốn vay thì sẽ báo trước cho bà H1 01 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H1 có đóng lãi cho ông đến tháng 3/2022 thì ngưng không đóng lãi cho đến nay.

Bà Ngô Thị Thanh H1 cho rằng vào năm 2018, bà và ông H có ký hợp đồng thế chấp thửa 111 tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 – Phòng giao dịch S để đảm bảo khoản vay 350.000.000 đồng, dư nợ gốc hiện tại 105.000.000 đồng, còn ông H vay riêng là 250.000.000 đồng, sau khi được giải ngân thì ông H có đưa cho bà 100.000.000 đồng của ông H để trả tiền nhận chuyển nhượng đất thửa 111 và thửa 108, nhưng sau đó bà đi làm và đã nhiều lần chuyển tiền về cho ông H trả nợ, hiện tại bà không còn nợ ông H số tiền nào. Việc bà trả tiền cho ông H không có làm giấy tờ và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Đến năm 2022 bà và ông H xảy ra mâu thuẫn nên bà không còn trả tiền cho ông H nữa.

Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/11/2023 (Bút lục 113) bà Ngô Thị Thanh H1 khai: *“Tôi thừa nhận là năm 2018 tôi và H có vay chung của Ngân hàng V2 số tiền 250.000.000 đồng, tôi vay 100.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng H vay. Sau đó tôi đưa cho anh H 100.000.000 đồng (khi đưa không có làm biên nhận) để trả Ngân hàng vì H là người vay tiền, tôi không nợ H khoản tiền nào nữa nên không đồng ý trả 100.000.000 đồng”* và tại phiên tòa ngày 27/9/2025 bà H1 thừa nhận vào năm 2018 bà và ông H có vay Ngân hàng 250.000.000 đồng, ông H có đưa cho bà nhận 100.000.000 đồng tại Ngân hàng, để bà trả tiền nhận chuyển nhượng đất nhưng sau đó bà đi làm và đã nhiều lần chuyển tiền về trả cho ông H. Hiện tại thì bà không còn nợ ông H số tiền nào, việc trả tiền cho ông H không có làm giấy tờ và cũng không có chứng cứ gì chứng minh, trả bằng hình thức nào thì không nhớ.

Đối với các tài liệu bà giao nộp tại phiên tòa gồm: Giấy biên nhận đề ngày 09/11/2020, bà cho rằng vay của bà Trần T3 100.000.000 đồng vào ngày 09/11/2020 nhận tiền xong bà và ông H cùng đi trả tiền Ngân hàng nên có các giấy tờ của Ngân hàng và bà đang giữ bản chính. Tuy nhiên, Giấy nhận nợ số 02, Ủy nhiệm chi và Giấy rút tiền cùng đề ngày 09/6/2020 tức trước thời gian bà H1 cho rằng bà và ông H cùng đi trả Ngân hàng ngày 09/11/2020 là 05 tháng và các giấy tờ trên đều thể hiện ông H là người ký tên giao dịch. Xét thấy, lời trình bày của bà H1 không được ông H thừa nhận, đồng thời, bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà H1 trả vốn 100.000.000 đồng là phù hợp.

- Về yêu cầu tính lãi: Nhận thấy, ông H là người trực tiếp ký Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng và đưa cho bà H1 100.000.000 đồng, các bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 0,83%/tháng. Ông H cho rằng bà H1 đóng lãi đến tháng 3/2022 thì ngưng không đóng lãi cho đến nay, bà H1 cho rằng đã trả hết số tiền cho ông H nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, ông H yêu cầu tính lãi từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/9/2025 là 42 tháng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 42 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 34.860.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của bị đơn là không có đủ căn cứ, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Thanh H1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003656 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD KT, TT & THA TAND Tỉnh;
- TAND khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA ^(Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hứa Quang Thông